TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 04-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Ông Ngô Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Đặng Hà Nhung– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27/8/2018 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do Bản án sơ thẩm số: 25/2018/HNGĐ-ST ngày 11/7/2018 của TAND huyện C, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2018/QĐ-PT ngày, 28/8/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987. Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q: Bà Lê Thị L – Luật sư – Văn phòng Luật sư N - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Tô Thị Hằng N, sinh năm 1992. Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên lạc: Ấp N, xã M, thị xã E, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm.

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2018, bản tự khai ngày 27/3/2018, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương vào ngày 03/5/2013. Quá trình chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên mấy năm gần đây hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm bất đồng và có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân tẻ nhạt và mệt mỏi. Đến đầu tháng 01/2018 hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên cãi nhau và chị N đã dẫn con chung Nguyễn Thanh N, sinh ngày 04/7/2014 bỏ nhà đi từ lúc đó cho đến nay. Hiện nay, anh Q cảm thấy mâu thuẫn giữa anh Q và chị N đã trầm trọng và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, giữa anh Q và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 04/7/2014. Khi ly hôn, anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Theo anh Q được biết, hiện cháu N đã được chị N đem về quê tại ấp L, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Thuận và giao cho ông bà ngoại nuôi dưỡng. Từ khi chị N dẫn con đi đến nay, anh Q không gọi điện hay đến thăm con vì anh Q không biết số điện thoại của chị N cũng như không biết địa chỉ của chị N ở đâu.

Hiện nay, anh Q đang làm công nhân cho Công ty TNHH A (Việt Nam), địa chỉ: Lô 40-6 đường N14, khu công nghiệp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh với mức lương trung bình mỗi tháng là 8.000.000 đồng (chưa tăng ca) nên anh Q có đầy đủ điều kiện để lo cho con. Mặt khác, anh Q là con út trong gia đình và sẽ là người nhận tài sản do cha mẹ là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị C để lại (theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn M đã cung cấp). Vì vậy, gia đình anh Q hoàn toàn đủ khả năng về thời gian, kinh tế để nuôi dạy cháu N.

Anh Q thừa nhận trước khi kết hôn và chung sống với chị N thì anh Q đã từng có gia đình và đã ly hôn theo Quyết định số 258/2012/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2012 của TAND huyện C. Vợ anh Q trước đây là chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1992; ngụ tại: Ấp A, xã B, huyện C. Theo anh Q, khi ly hôn thì chị D đang mang thai đứa bé, hiện nay cháu bé đã được 6 tuổi và đang ở cùng chị D. Do đã ly hôn nên anh Q không quan tâm gì đến chị D và đưa bé, cũng không biết đứa bé tên là gì, đời sống của hai mẹ con chị D hiện nay ra sao.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chứng cứ nguyên đơn anh Q cung cấp: 01 đơn xin ly hôn ngày 27/3/2018; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thanh N; 01 bản tự khai ngày 27/3/2018; 02 bảng lương và 01 hợp đồng lao động số 082017/17001784/HĐLĐ ngày 01/8/2017 của Công ty A (Việt Nam) với anh Q; 01 bản sao kê chi tiết giao dịch TRANSACTION STAEMENT từ ngày 01/12/2017 đến ngày 05/6/2018 của Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Khu công nghiệp O đối với khách hàng Nguyễn Văn Q; 01 bản photo thẻ ATM Epartner của Ngân hàng TMCP B; 01 văn bản cam kết của ông Đỗ Văn C, ông Nguyễn

Văn T, bà Đỗ Thị Thanh D, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị T và bà Nguyễn Thị G được UBND xã B xác nhận ngày 24/4/2018; 01 văn bản cam kết của bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn M được UBND xã B xác nhận ngày 27/4/2018; 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01209 do UBND huyện C cấp ngày 13/3/2015 cho ông Nguyễn Văn M; 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00169 do UBND huyện C cấp ngày 25/7/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn M; 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02033 do UBND huyện C cấp ngày 25/7/2013 cho ông Nguyễn Văn M.

* Tại các bản tự khai ngày 23/4/2018 và ngày 03/5/2018, các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Tô Thị Hằng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N thống nhất ý kiến với anh Q về việc chị N và anh Q chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương vào ngày 03/5/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau và thường xuyên cự cãi, anh Q có tính hay ghen tuông nên luôn kiếm cớ chửi mắng vợ với những lời nói rất thô tục và luôn dùng bạo lực đánh đập chị N. Ngày 10/01/2018, sau khi gây gổ cãi vã lẫn nhau, anh Q đã đuổi mẹ con chị N ra khỏi nhà. Chị N đã dẫn con chung bỏ nhà đi, không còn sống chung với anh Q. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q yêu cầu ly hôn thì chị N đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị N và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 04/7/2014. Nay, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; từ khi chị N và cháu N ra đi đến nay anh Q không gọi điện thăm con.

Hiện, chị N đang làm công nhân cho Công ty TNHH MTV sản xuất nội thất F có địa chỉ tại ấp N, xã M, thị xã E, tỉnh Bình Dương, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng (lương tháng 3/2018 là 10.426.688 đồng). Vì vậy, chị N có đủ khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Theo chị N, anh Q là chồng nhưng không chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con; mặc dù đã hai lần kết hôn nhưng anh Q không làm tròn bổn phận của một người chồng, người cha trong gia đình.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chứng cứ bị đơn chị N cung cấp: Bản sao hợp đồng lao động số 02/2018 ngày 01/01/2018 giữa Công ty TNHH MTV sản xuất nội thất F với chị N; bản sao chi tiết lương tháng 3/2018; bản tự khai ngày 23/4/2018 và ngày 03/5/2018.

Tại Bản án sơ thẩm số: 25/2018/HNGĐ-ST ngày 11/7/2018 của TAND huyện C, tỉnh Bình Dương xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung của anh Nguyễn Văn Q đối với chị Tô Thị Hằng N, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Tô Thị Hằng N.

- Về con chung: Chị Tô Thị Hằng N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 04/7/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tô Thị Hằng N về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Tô Thị Hằng N không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/7/2018 anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung: Yêu cầu TAND tỉnh Bình Dương xem xét cho anh Q được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thanh N. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Xét về điều kiện kinh tế, thu nhập, nơi ăn ở anh Q có đủ điều kiện nuôi dưỡng con hơn chị N đảm bảo được việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con phát triển tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của anh Q, sửa bản án sơ thẩm giao cháu Nguyễn Thanh N cho anh Q nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Cháu N còn nhỏ, hiện tại do chị N nuôi dưỡng phát triển tốt. Bản án sơ thẩm xử giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của anh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị N. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị N không tranh chấp. Các phần này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc

thẩm, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2, Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của anh Q về việc xin được quyền nuôi dưỡng con là cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 04/7/2014. Thấy rằng, anh Q và chị N đều làm công nhân. Cả hai đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Hiện tại cháu Nguyễn Thanh N còn nhỏ (hơn 04 tuổi), đang sinh sống với chị N, cháu N phát triển tốt. Để ổn định cuộc sống, tâm lý, sức khỏe của cháu N thì cần có sự trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của chị N (mẹ). Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu N, sinh ngày 04/7/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của các bên, đảm bảo được lợi ích của cháu N, có căn cứ, đúng pháp luật các Điều: 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của anh Q và ý kiến của Luật sư là không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật. Trường hợp, sau này chị N không làm tròn trách nhiệm nuôi dưỡng con thì anh Q có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Anh Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều: 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ các Điều: 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 25/2018/HNGĐ-ST ngày 11/7/2018 của TAND huyện C, tỉnh Bình Dương về con chung như sau: Chị Tô Thị Hằng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thanh N, sinh ngày 04/7/2014. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q được quyền đi lại thăm nom con, không ai được quyền cản trở, trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q. Vì quyền lợi của con, Tòa án thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm số: 25/2018/HNGĐ-ST ngày 11/7/2018 của TAND huyện C, tỉnh Bình Dương về quan hệ hôn nhân và về tài sản chung, nợ chung không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0011557 ngày 03/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Dương.

- Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012155, ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 04/10/2018)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung